

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST  
Ngày: 08/3/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hạnh

Ông Nguyễn Đỗ Danh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng P – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST - HS ngày 30/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HS ngày 23/02/2024, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn H**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1986 tại Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1948, Mẹ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954; Bị cáo có chưa vợ; Tiền sự: Không; Tiền án 01: Tại bản án số 389/2011/HSPT ngày 20/12/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xử phạt 14 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/11/2021).

Nhân thân: Ngày 04/11/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 16/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Đã tổng hợp với Bản án số 389/2011/HSPT ngày 20/12/2011). Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

**2. Nguyễn Thế Q**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Thế N (chết), Mẹ: Đào Thị S (chết); Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự 01: Ngày 13/7/2023 bị Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. *Bị hại*: Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Hứa Vĩ Q1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25/7/2023, Hứa Vĩ Q1 gọi điện nhờ Nguyễn Văn H đi đòi nợ số tiền 60.000.000 đồng mà Phạm Tấn T đã vay mượn của Q1, H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72X3 - 1214 đến nhà gặp Q1. Tại đây Q1 đưa cho H 01 bình xịt hơi cay và 01 còng số 8 (kèm theo chìa khóa còng) nói H mang theo để phòng thân khi có chuyện và hù dọa để T trả tiền nợ, H bỏ vào túi xách rồi đi tìm T.

Trên đường đi thì gặp Nguyễn Thế Q, H rủ Q đi chơi, thì Q đồng ý. Sau đó, H chở Q đến tiệm hớt tóc “Minh Tiến” thuộc xã S, huyện C thì thấy T đang ở trong tiệm hớt tóc, H kêu T ra trước cửa tiệm rồi dùng tay tát 02 cái vào mặt T, H kêu Q dùng còng số 8 còng tay T lại, nhưng T chống cự lại nên H lấy bình xịt hơi cay ra đe dọa T, rồi tiếp tục kêu Q còng tay T, nhưng không được, nên H lấy còng từ Q và còng hai tay của T về phía sau, rồi khống chế Tài lên xe mô tô để T ngồi giữa còn Q ngồi phía sau và chở T đến bờ đập “Sông Ray” thuộc xã S, huyện C. Tại đây H lôi T xuống xe rồi dùng tay đấm vào mặt và dùng chân đá vào người T. H hỏi T khi nào trả nợ cho Q1, T hẹn cuối năm sẽ trả số nợ trên. H hỏi T lấy gì để H tin và nói sẽ quay video lại để làm tin, nếu không trả sẽ đưa video lên mạng, tiếp đến H kéo quần của T xuống, rồi kêu Q lấy điện thoại ra quay video lại. Sau khi quay xong H kéo quần T lên rồi yêu cầu T lên xe chở về đến gần tiệm hớt tóc “Minh Tiến” thì H dùng chìa khóa còng mở còng tay cho T. Sau đó, H điều khiển xe chạy về nhà Q1 rồi trả lại bình xịt hơi cay, còng số

8, chìa khóa còn lại cho Q1. Tại Cơ quan điều tra, H và Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*Tang vật thu giữ gồm:* 01 (Một) còng số 8 màu trắng bằng Inox và 01 chìa khóa mở còng; 01 (Một) bình xịt hơi cay màu xanh, đen dung tích 110ml hiệu American style NATO. (Vật chứng nêu trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức chờ xử lý).

- Đối với xe mô tô hiệu EXCITER màu xanh, đen, biển kiểm soát 72X3-1214 mà Nguyễn Văn H sử dụng đi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, H khai nhận chiếc xe trên do H đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội H đã bán lại cho một người tên “S1” (Không rõ họ tên, địa chỉ). Ngày 27/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra Quyết định truy tìm chiếc xe trên, hiện chưa thu giữ được.

- Đối với ông Phạm Tấn T sau khi trình báo và có buổi làm việc với Cơ quan điều tra thì hiện nay T không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra điều tra Công an huyện C chưa làm việc được về vấn đề bồi thường dân sự.

- Đối với Hứa Vĩ Q1 khai nhận: Còng số 8 cùng chìa khóa còng là Quốc nhật được, còn bình xịt hơi cay thì Q1 đặt mua trên mạng vào khoảng tháng 3/2022 để phòng thân. Mục đích Q1 đưa còng số 8 cùng chìa khóa còng và bình xịt hơi cay cho H đi đòi nợ cho Q1 là để H phòng thân và hù dọa T để T trả nợ cho Q1. Q1 không chỉ đạo H phải đánh và còng tay T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý hình sự đối với Q1.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS- CĐ ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức đã truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

*Trong quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.*

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận công khai: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 đến 10 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 đến 10 tháng Cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Tấn T được khởi kiện trong vụ án khác, nếu có yêu cầu. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy các tang vật đã thu giữ trong vụ án.

*Ý kiến của các bị cáo:* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề đạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Do Phạm Tấn T nợ tiền của Hứa Vĩ Q1, nên Q1 có nhờ Nguyễn Văn H đi gặp T để đòi tiền giúp, H nhận lời, trước khi đi thì Q1 có giao cho H 01 bình hơi cay và 01 còng số 8, mục đích để H hù dọa đối tượng để đòi tiền nợ.

Trên đường đi, H có gặp và rủ Nguyễn Thế Q đi cùng, Q đồng ý. Vào khoảng 10 giờ ngày 25/7/2023 H điều khiển xe mô tô biển số 72X3-1214 chở theo Q, khi gặp T thì cả hai đã dùng bình xịt hơi cay đe dọa, dùng còng số 8 khống chế, bắt giữ trái pháp luật Phạm Tấn T đưa ra khu vực bờ đập “Sông Ray” để đòi nợ thay cho Hứa Vĩ Q1. Khi T đã hứa hẹn việc trả nợ tiền thì cả hai chở T trả về khu vực cũ. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Thế Q đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể của mỗi công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý nên cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi để giáo dục răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính đồng phạm, vai trò của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng không có sự phân công, tổ chức với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn H khi được bạn tên Q1 nhờ đi đòi tiền nợ thì nhận lời, bị cáo gặp và rủ rê Q tham gia. Khi gặp đối tượng là T thì bị cáo là người yêu cầu và cũng là người khống chế Tài lên xe chở đi. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị kết án tù chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Q.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế Q là người được H rủ rê đi cùng, có vai trò thứ yếu. Tuy trước đó bản thân bị cáo có một tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng lần thực hiện hành vi này bị cáo chỉ tham gia theo sự chỉ dẫn, yêu cầu của bị cáo H nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho bị cáo.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 cho bị cáo H; áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Q.

Để quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp, răn đe và phòng ngừa chung, ngoài ra còn thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Qua xem xét các tài liệu thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo H hiện nay được chuẩn đoán bị nhiễm virus suy giảm miễn dịch (HIV), bản thân có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha mẹ già và hiện nay là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra, cần xem xét đến việc các bị cáo thực hiện hành vi nhất thời, bắt giữ ông T đưa đi và tự đưa về trong một thời ngắn, ra cơ quan Công an trình báo khai nhận hành vi đã thực hiện; bản thân các bị cáo không hưởng lợi gì khi thực hiện hành vi phạm tội; Ông T không bị thương tích hay tổn thương trên cơ thể. Riêng bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự không cần thiết phải cách ly bị cáo mà để cải tạo và giao chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung, hiện nay bị cáo có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng.

[6] Về bồi thường dân sự: Do ông Phạm Tấn T hiện không có mặt tại địa phương nên việc bồi thường sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác, nếu có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) còng số 8 màu trắng bằng Inox và 01 chìa khóa mở còng; 01 (Một) bình xịt hơi cay màu xanh, đen dung tích 110ml hiệu American style NATO là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với Hứa Vĩ Q1: Quá trình điều tra đã xác định ông Q1 chỉ nhờ H đi tìm gặp T và đòi tiền nợ. Việc giao cho H còng số 8 và bình xịt hơi cay, mục đích để hù dọa T phải trả nợ tiền.

Ngoài ra, Q1 không chỉ đạo H phải đánh và còng tay T, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự Q1 với vai trò đồng phạm là phù hợp. Hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ trên đã bị UBND huyện C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Q 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được Bản án và Quyết định thi hành án đối với bị cáo Nguyễn Thế Q.

Giao bị cáo Nguyễn Thế Q cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Tấn T được quyền khởi kiện về việc bồi thường trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) còng số 8 màu trắng bằng Inox và 01 chìa khóa mở còng số 8; 01 (Một) bình xịt hơi cay màu xanh đen dung tích 110ml hiệu American style NATO. (Vật chứng lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2024)

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết)./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

